Chỉ số phát triển con người HDI Việt Nam

vn.xa-hoi-vi-mo.phat-trien-con-nguoi-sdg.chi-so-phat-trien-con-nguoi-hdi-viet-nam

HDI toàn quốc và theo tỉnh/thành trong cùng bộ dữ liệu.

Version Niên giám thống kê Việt Nam 2024, số sơ bộ 2024 · Cập nhật 2026-10-08 · Chính sách cập nhật monthly

ĐIỂM NỔI BẬT

HDI CẢ NƯỚC

0.752

chỉ số (0–1)

Sơ bộ 2024

HDI CAO NHẤT TỈNH/THÀNH

0.829

chỉ số (0–1)

Hà Nội, sơ bộ 2024

HDI THẤP NHẤT TỈNH/THÀNH

0.622

chỉ số (0–1)

Lai Châu, sơ bộ 2024

DỮ LIỆU

HDI	Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Cả nước	0.752 chỉ số (0–1)
HDI	Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Hà Nội	0.829 chỉ số (0–1)
HDI	Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Vĩnh Phúc	0.783 chỉ số (0–1)
HDI	Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Bắc Ninh	0.786 chỉ số (0–1)
HDI	Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Quảng Ninh	0.812 chỉ số (0–1)
HDI	Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Hải Dương	0.768 chỉ số (0–1)
HDI	Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Hải Phòng	0.819 chỉ số (0–1)
HDI	Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Hưng Yên	0.779 chỉ số (0–1)
HDI	Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Thái Bình	0.747 chỉ số (0–1)

HDI — 0.766 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Hà Nam

HDI — 0.721 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Nam Định

HDI — 0.755 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Ninh Bình

HDI — 0.629 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Hà Giang

HDI — 0.669 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Cao Bằng

HDI — 0.684 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Bắc Kạn

HDI — 0.701 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Tuyên Quang

HDI — 0.699 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Lào Cai

HDI — 0.68 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Yên Bái

HDI — 0.777 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Thái Nguyên

HDI — 0.701 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Lạng Sơn

HDI — 0.747 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Bắc Giang

HDI — 0.734 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Phú Thọ

HDI — 0.642 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Điện Biên

HDI — 0.622 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Lai Châu

HDI — 0.663 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Sơn La

HDI — 0.723 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Hòa Bình

HDI — 0.739 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Thanh Hóa

HDI — 0.726 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Nghệ An

HDI — 0.742 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Hà Tĩnh

HDI — 0.721 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Quảng Bình

HDI — 0.719 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Quảng Trị

HDI — 0.721 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Huế

HDI — 0.814 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Đà Nẵng

HDI — 0.734 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Quảng Nam

HDI — 0.737 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Quảng Ngãi

HDI — 0.732 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Bình Định

HDI — 0.707 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Phú Yên

HDI — 0.749 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Khánh Hòa

HDI — 0.699 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Ninh Thuận

HDI — 0.713 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Bình Thuận

HDI — 0.677 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Kon Tum

HDI — 0.675 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Gia Lai

HDI — 0.699 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Đắk Lắk

HDI — 0.694 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Đắk Nông

HDI — 0.737 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Lâm Đồng

HDI — 0.71 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Bình Phước

HDI — 0.709 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Tây Ninh

HDI — 0.761 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Bình Dương

HDI — 0.774 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Đồng Nai

HDI — 0.823 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Bà Rịa - Vũng Tàu

HDI — 0.819 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: TP. Hồ Chí Minh

HDI — 0.732 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Long An

HDI — 0.706 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Tiền Giang

HDI — 0.688 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Bến Tre

HDI — 0.71 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Trà Vinh

HDI — 0.733 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Vĩnh Long

HDI — 0.701 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Đồng Tháp

HDI — 0.676 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: An Giang

HDI — 0.685 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Kiên Giang

HDI — 0.751 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Cần Thơ

HDI — 0.714 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Hậu Giang

HDI — 0.67 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Sóc Trăng

HDI — 0.682 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Bạc Liêu

HDI — 0.694 chỉ số (0–1)
Kỳ dữ liệu: 2024 sơ bộ · Địa bàn: Cà Mau

NGUỒN & ĐỘ MỚI

Phiên bản: Niên giám thống kê Việt Nam 2024, số sơ bộ 2024
Cập nhật: 2026-10-08
Giấy phép: Số liệu thống kê chính thức quốc gia & Dữ liệu mở quản trị công

Cục Thống kê Việt Nam — Niên giám thống kê
https://www.nso.gov.vn/nien-giam/

Cục Thống kê Việt Nam — Niên giám thống kê Việt Nam 2024, Bảng 412: Chỉ số phát triển con người phân theo địa phương
https://www.nso.gov.vn/wp-content/uploads/2026/01/NG-TONG-CUC-2024_OKIN_Final.pdf

Cục Thống kê Việt Nam — Human Development Index by province(*)
https://pxweb.nso.gov.vn/pxweb/en/Health%2C%20Culture%2C%20Sport%20and%20Living%20standard/Health%2C%20Culture%2C%20Sport%20and%20Living%20standard/E14.37.px/

UNDP Việt Nam — Việt Nam duy trì mức Phát triển Con người cao: Báo cáo của UNDP
https://www.undp.org/vi/vietnam/press-releases/viet-nam-duy-tri-muc-phat-trien-con-nguoi-cao-bao-cao-cua-undp